|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **TỈNH ĐĂK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO**

**ĐỀ ÁN TÓM TẮT**

**Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng,**

**thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH ĐỀ ÁN**

Đắk Nông có thế mạnh về phát triển nông nghiệp với những sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có giá trị xuất khẩu cao như: cà phê trên 129 ngàn ha, cao su gần 30 ngàn ha, hồ tiêu trên 33 ngàn ha, điều trên 14 ngàn ha,... Trong thời gian qua, ngành Nông nghiệp của tỉnh đã có sự phát triển vượt bậc, giá trị sản xuất và giá trị gia tăng đã tăng liên tục trong thời gian dài, sản lượng hàng hóa xuất khẩu tăng trưởng với tốc độ cao, thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, nông nghiệp của Đắk Nông phải đối diện với nhiều thách thức như: Biến đổi khí hậu gây nắng nóng, khô hạn, nguồn nước ngầm cạn kiệt dần, mưa trái vụ làm thiệt hại tới năng suất cây trồng, bệnh tật cho gia súc; phá rừng lấy đất trồng trọt, suy giảm chất lượng đất gây khó khăn đối với sản xuất nông nghiệp. Năng suất lao động thấp do sản xuất manh mún, chất lượng tăng trưởng chưa cao và có xu hướng chậm lại; chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều loại sản phẩm nông nghiệp còn thấp, ô nhiễm và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Chất lượng kết cấu hạ tầng và dịch vụ nông nghiệp thấp, công nghiệp chế biến chưa phát triển mạnh, chủ yếu là chế biến thô nên giá trị gia tăng thấp; thiếu gắn kết giữa người sản xuất với các cơ sở chế biến nên tiêu thụ sản phẩm bấp bênh. Công nghệ sản xuất nhiều sản phẩm nông nghiệp và công nghệ chế biến còn ở trình độ thấp, chưa đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn và chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước. Những khó khăn, thách thức mà nông nghiệp Đắk Nông đang đặt ra nhu cầu cấp thiết phải thay đổi mô hình tăng trưởng ngành nông nghiệp của tỉnh theo hướng hiệu quả, bền vững nhằm vượt qua được những giới hạn của mô hình tăng trưởng theo số lượng, phát huy tối đa những tiềm năng về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh, khắc phục được thách thức về biến động kinh tế, môi trường trên phạm vi cả nước và toàn cầu.

Từ yêu cầu thực tiễn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã xây dựng Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” và đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013. Trên cơ sở đó Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013, Ban hành chương trình hành động thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”.

Để triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh Đăk Nông xây dựng *Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030* nhằm đáp ứng với những yêu cầu cấp thiết của thực tiễn.

**II. MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

1. Quan điểm

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp là một hợp phần của tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế, phù hợp với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với định hướng phát triển ngành chung của cả nước và phù hợp với nội dung tái cơ cấu ngành nông nghiệp cả nước; gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường để bảo đảm phát triển bền vững.

Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp vừa phải theo cơ chế thị trường, vừa phải đảm bảo các mục tiêu cơ bản về phúc lợi cho nông dân và người tiêu dùng; chuyển mạnh từ phát triển theo chiều rộng lấy số lượng làm mục tiêu chuyển đổi sang nâng cao chất lượng, hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; chú trọng đáp ứng các yêu cầu của thị trường và tiêu dùng của xã hội.

Mục tiêu của tái cơ cấu ngành nông nghiệp là nâng cao lợi thế cạnh tranh của các ngành hàng nông nghiệp nói riêng và toàn ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông nói chung. Do đó, cần thực hiện đồng bộ các nội dung: từ tái cơ cấu sử dụng các nguồn lực, tái cơ cấu công nghệ sản xuất, tái cơ cấu về hình thức tổ chức sản xuất và đặc biệt là tái cơ cấu về các chủ thể sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng về hiệu quả và chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu khách hàng, bảo đảm phát triển bền vững... Với các nội dung này, cần có sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, xã hội vào quá trình tái cơ cấu ngành. Nông dân và doanh nghiệp trực tiếp đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng tài nguyên hợp lý, lâu bền.

Một trong những định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp cả nước là phát triển bền vững; do đó, tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là phải phù hợp với quan điểm tăng trưởng xanh của cả nước và vùng Tây Nguyên. Tăng trưởng bền vững là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói, giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, có lợi thế, có thị trường. Phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ làm nền tảng để dẫn dắt và hỗ trợ nông dân sản xuất nông nghiệp nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định xã hội, bảo vệ môi trường và cảnh quan. Kết hợp hài hòa giữa nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao để tạo ra sản phẩm nông nghiệp hàng hóa có năng suất, chất lượng an toàn và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Tái cơ cấu nông nghiệp là một quá trình phức tạp, khó khăn và lâu dài cần được thường xuyên theo dõi, tổng kết, rút kinh nghiệm để điều chỉnh phù hợp với thực tế trên cơ sở xây dựng một hệ thống giám sát, đánh giá và tham vấn thông tin phản hồi từ các bên liên quan.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm các mục tiêu sau:

- Nâng cao giá trị, hiệu quả, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ quốc tế và trong nước nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm ngành hàng và toàn ngành nông nghiệp tỉnh Đắk Nông.

- Xác định chủ thể tham gia các chuỗi giá trị sản phẩm trong nông nghiệp; các mối liên hệ ngang, dọc trong mỗi chuỗi để xác định những khó khăn của từng khâu trong chuỗi, đề xuất chiến lược nâng cấp chuỗi nhằm tạo sự công bằng và khuyến khích các chủ thể tham gia chuỗi, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện nhanh đời sống nông dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

- Phát triển nông nghiệp bền vững trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu:

+ Chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế về vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Giá cả nông sản hợp lý, có sức cạnh tranh trên thị trường toàn cầu.

+ Khối lượng nông sản phải có quy mô đủ lớn theo yêu cầu thị trường, cụ thể là theo từng yêu cầu của các nhà nhập khẩu nông sản.

+ Thời gian cung ứng nông sản phải kịp thời và đúng hạn theo yêu cầu khắt khe của các nhà nhập khẩu nông sản.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp trên cơ sở khai thác hợp lý và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và đặc biệt là tài nguyên nguồn nhân lực, kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ. Tận dụng tối đa lợi thế về khí hậu, đất đai và định hướng phát triển nông nghiệp và nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp theo nghị quyết của Đảng và chính sách của Chính phủ; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới nhằm xây dựng nền nông nghiệp đa canh và phát triển bền vững với môi trường sinh thái; phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần giải quyết việc làm, nâng hiệu quả kinh tế cho người nông dân.

- Các hoạt động tái cơ cấu phải đáp ứng nục tiêu chung về bảo vệ tài nguyên đất, bảo vệ môi trường sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

*\* Giai đoạn 2016 – 2020*

Theo phương án quy hoạch nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Đắk Nông, giá trị sản xuất nông nghiệp (GTSXNN) tăng bình quân 6,2 – 7,7%/năm; trong đó, trồng trọt 5,8 – 7,3%/năm; chăn nuôi 7,6 – 10,4%/năm, dịch vụ nông nghiệp 11,9 – 13,1%/năm; lâm nghiệp 1,7 – 1,9%/năm; thủy sản 17,5 – 18,7%/năm.

Đến năm 2020, tỷ trọng giá trị sản xuất của lĩnh vực Nông nghiệp đạt 98,4%; thủy sản là 1,3%; lĩnh vực lâm nghiệp đạt 0,3%. Cơ cấu trong ngành nông nghiệp như sau: trồng trọt chiếm 85,1%; chăn nuôi chiếm 9,9%; dịch vụ nông nghiệp 3,5%.

- Bình quân GTSXNN/1ha đất sản xuất nông nghiệp (SXNN) đạt khoảng 140 triệu đồng

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp đến năm 2020 giảm xuống dưới 60% so với tổng số lao động làm việc trong các ngành kinh tế của tỉnh.

- Đến năm 2020, mỗi ngành hàng chủ lực ở các huyện, thành lập 1 hợp tác xã/ tổ hợp tác làm đại diện để liên kết với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm. Phấn đấu có khoảng90 - 95% sản phẩm hàng hóa chăn nuôi; 70 - 80% sản phẩm hàng hóa trồng trọt có thể truy xuất được nguồn gốc vào năm 2020.

- Đến năm 2020, tỉnh sẽ hình thành 03 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với các loại cây trồng, vật nuôi thế mạnh. Dự kiến, giá trị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đóng góp từ 7-10% trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

- Đến năm 2020 thực hiện trồng mới trên 30.000 ha, cải tạo, trồng bổ sung 7.000 ha rừng sản xuất, khoanh nuôi tái sinh trên 5.000 ha rừng phòng hộ; đảm bảo rừng sản xuất trên 80%, rừng phòng hộ 9-11% và rừng đặc dụng 8-9% diện tích đất lâm nghiệp.

- Thực hiện các mục tiêu về xây dựng nông thôn mới theo các chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XI đề đề ra.

*\* Tầm nhìn đến năm 2030*

GTSXNN tăng bình quân 5,4 – 5,6%/năm; trong đó, trồng trọt 4,0- 4,2%/năm; chăn nuôi 13,3 -13,9%/năm, dịch vụ nông nghiệp 5,4- 5,6%/năm; lâm nghiệp có tốc độ tăng trưởng 2,6- 2,7%/năm; thủy sản mức tăng trưởng 7,5%/năm.

Đến năm 2030, tỷ trọng giá trị sản xuất của các ngành là: Nông nghiệp 97,8%; Thủy sản (1,8%); Lâm nghiệp (0,3%). Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: Trồng trọt (69,9%); chăn nuôi (22,9%); dịch vụ nông nghiệp (5,2%).

**III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### 1. Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương, nội dung Đề án tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh

- Các cơ quan truyền thông, báo chí của tỉnh và các địa phương tăng cường tuyên truyền về Đề án đến các đơn vị, cơ quan các cấp và nhân dân kịp thời, chính xác nhằm thống nhất trong nhận thức và hành động thực hiện Đề án.

- Các cơ quan, đơn vị tổ chức tuyên truyền, phổ biến Đề án và Kế hoạch của UBND tỉnh đến cán bộ, công chức, viên chức, và xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án.

### 2. Quy hoạch và thực hiện quy hoạch; tăng cường quản lý giám sát, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước đối với quy hoạch

+ Tăng cường thực hiện các loại quy hoạch, các nội dung đã phê duyệt, hạn chế việc chồng chéo, trùng lặp.

+ Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch.

### 3. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp.

Tăng cường các biện pháp hỗ trợ để phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển nông nghiệp: như xây dựng hệ thống thuỷ lợi đáp ứng nhu cầu nước tưới, giao thông đến nương rẫy, điện phục vụ đủ cho sản xuất và chế biến.

### 4. Khuyến khích, thu hút đầu tư từ nhiều thành phần kinh tế trong xã hội và quản lý sử dụng hiệu quả các nguồn đầu tư

Giải pháp đầu tư cho các lĩnh vực, tạo sự đa dạng từ nhiều nguồn, hỗ trợ và nâng cao hiệu quả đầu tư.

### 5. Gia tăng hiệu quả của hoạt động khuyến nông, nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ KH - CN

- Phát huy vai trò của Trung tâm thông tin & ứng dụng khoa học công nghệ

- Công tác giống cây trồng vật nuôi

- Các giải pháp kỹ thuật trong canh tác một số cây trồng, vật nuôi:

- Hoạt động chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông dân:

- Xây dựng mô hình điểm cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao

### 6. Đào tạo nông dân và lao động nông thôn theo hướng chuyên nghiệp

Nâng cao trình độ, tạo ra đội ngũ lao động tại các vùng theo hướng chuyên nghiệp tức là hướng ngành nghề, chuyên sâu có kỹ năng và trình độ

### 7. Xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường, gắn sản xuất với tiêu thụ một cách bền vững.

\* Giải pháp về tăng cường hoạt động của hệ thống thông tin.

\* Giải pháp về xây dựng thương hiệu.

\* Giải pháp về quảng bá thương hiệu và xúc tiến thương mại.

### 8. Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách phục vụ phát triển nông nghiệp

Các chính sách, các biện pháp về cơ chế tạo ra những thuận lợi, điều kiện cho nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng cao giá trị và hiệu quả.

### 9. Đổi mới cơ cấu vốn đầu tư theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước.

Đa dạng các nguồn vồn, khuyến kích nhiều hình thức đầu tư, xã hội hoá, tăng cường và khuyến khích đầu từ từ nhiều thành phấn kinh tế.

### 10. Hỗ trợ, tạo điều kiện để hình thành các loại hình tổ chức sản xuất theo hình thức kinh tế hợp tác và liên kết giữa các loại kinh tế hộ, trang trại, doanh nghiệp; góp phần nâng cấp chuỗi giá trị sản phẩm.

\*Mô hình kinh tế hợp tác

\* Mô hình liên kết doanh nghiệp

\* Mô hình trang trại sản xuất

### 11. Nâng cao hiệu quả của quản lý Nhà nước với phát triển nông nghiệp và sử dụng đầu tư công.

\* Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước với phát triển nông nghiệp

\* Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đầu tư công

### 12. Giảm tác động của biến đổi khí hậu tới sử dụng đất và sản xuất nông nghiệp ở vùng Tây Nguyên và ở Đắk Nông.

\* Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc biệt rừng đầu nguồn.

\* Biện pháp trồng cây: Trồng xen, nông lâm kết hợp.

\* Thiết kế đồng ruộng hợp lý; Sử dụng giống cây, con mới; Sử dụng nguồn nước ngầm hợp lý.

### 13. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với thực hiện chương trình nông thôn mới.

\* Quy hoạch các vùng sản xuất hợp lý.

\* Quy hoạch hạ tầng nông thôn tại các xã.

### 14. Cải cách hành chính để thực hiện việc tái cơ cấu ngành nông nghiệp

- Đổi mới hoạt động quản lý Nhà nước để hỗ trợ cho doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Hình thành các quỹ hoạt động cho các hoạt động dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp như dịch vụ khoa học cộng nghệ…

- Từng bước hình thành các trung tâm nông nghiệp tại các huyện.

**IV. NGUỒN LỰC**

1. Khái toán kinh phí thực hiện và cơ cấu vốn

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu vốn** | **Tổng số** | **Tỷ lệ(1)**  **(%)** | **Vốn đầu tư (tỷ đồng)** | |
| **2018 -2020** | **2021 – 2030** |
| **Tổng vốn đầu tư khu vực I** | **13.376,96** | **100,00** | **1.433,88** | **11.943,08** |
| **Trong đó:** |  |  |  |  |
| **I. Phân theo nguồn vốn** |  |  |  |  |
| ***1.Vốn khu vực Nhà nước*** | ***4.075,96*** | ***30,47*** | ***436,90*** | ***3.639,06*** |
| -Vốn NSNN | ***2.552,32*** | ***19,08*** | ***273,58*** | ***2.278,74*** |
| + NSTW | *197,30* | *-* | *21,15* | *176,15* |
| +NSĐP | *2.355,02* | - | 252,43 | 2.102,59 |
| *\*Nguồn sự nghiệp(2)* | *471,00* |  | *50,49* | *420,52* |
| *\*Nguồn đầu tư(3)* | *1.884,02* |  | *201,94* | *1.682,07* |
| -Vốn vay | *573,87* | *4,29* | *61,51* | *512,36* |
| -Vốn tự có DNNN | *288,94* | *2,16* | *30,97* | *257,97* |
| -Vốn huy động khác | *660,82* | *4,94* | *70,83* | *589,99* |
| ***2. Vốn khu vực ngoài NN*** | ***9.227,43*** | ***68,98*** | ***989,09*** | ***8.238,34*** |
| -Tổ chức doanh nghiệp | *2.888,09* | 21,59 | 309,58 | 2.578,51 |
| -Vốn dân cư | *6.339,34* | 47,39 | 679,52 | 5.659,82 |
| ***3. Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài*** | ***73.57*** | ***0,55*** | ***7.89*** | ***65.68*** |
| ***II. Phân theo cấp quản lý*** | ***13.376,96*** | ***100,00*** | ***1.433,88*** | ***11.943,08*** |
| 1.Trung ương | *1.034,04* | 7,73 | *110,84* | *932,20* |
| 2. Địa phương | *12.342,92* | 92,27 | *1.323,04* | *11.019,88* |
| ***III. Phân theo khoản mục đầu tư*** | ***13.376,96*** | ***100,00*** | ***1.433,88*** | ***11.943,08*** |
| 1.Vốn đầu tư XDCB | 7.239,61 | 54,12 | 776,02 | 6.463,59 |
| 2.Vốn đầu tư mua sắm TSCĐ không qua XDCB | 2.294,14 | 17,15 | 245,90 | 2048,24 |
| 3.Vốn đầu tư sửa chữa, nâng cấp TSCĐ | 1.207,94 | 9,03 | 129,48 | 1.078,46 |
| 4.Vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động | 1.712,25 | 12,8 | 183,54 | 1.528,71 |
| 5.Vốn đầu tư khác | 923,02 | 6,9 | 98,94 | 824,08 |

Ghi chú: (1): Niên giám Thống kê tỉnh Đắk Nông2016. (2) &(3): số liệu khảo sát thực tiễn 2017-2018

Trong đó, vốn ngân sách được tính toán từ lồng ghép các chương trình mục tiêu do trung ương phân bổ cho tỉnh theo kế hoạch trung hạn 2016 - 2020, các dự án đã và đang thực hiện trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới, xây dựng cơ sở hạ tầng…trong đó tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng, khuyến nông, hỗ trợ một phần cho xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, thực hiện các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư,… Vốn ngoài nhà nước là vốn huy động từ các doanh nghiệp, nông hộ, chủ trang trại đầu tư vào phát triển sản xuất, đây là nguồn vốn đầu tư chính cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng tái cơ cấu, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững …Vốn đầu tư thời kỳ 2021 – 2030 được dự tính trên cơ sở dự tính thực hiện các nguồn vốn đầu tư của ngành nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2016-2020 và dự tính mức tăng vốn đầu tư trong tương lai.

Ngoài ra, còn huy động các nguồn đầu tư khác để thực hiện các nội dung đề án như vốn liên doanh, liên kết, kêu gọi vốn đầu tư từ bên ngoài trong các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, phát triển NNUDCNC,…

2. Khái toán kinh phí thực hiện từ ngân sách địa phương

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Phân theo giai đoạn | Tổng số | Nguồn sự nghiệp | Nguồn đầu tư phát triển |
|  | **Tổng NSNN từ địa phương** | **2.355,02** | **471,00** |  |
|  | Trong đó: |  |  |  |
| *I* | *Trung hạn (2018-2020)* | *252,43* | *50,49* | *201,94* |
| 1 | Năm 2018 (\*) | 84,14 | 16,83 | 67,31 |
| 2 | Năm 2019(\*) | 84,14 | 16,83 | 67,31 |
| 3 | Năm 2020(\*) | 84,14 | 16,83 | 67,31 |
| *II* | *Dài hạn (2021-2030)* | *2.102,59* | *420,52* | *1.682,07* |

*(Ghi chú: ước tính bình quân cho từng năm )*

3. Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN từ trung ương giai đoạn 2016-2020

(Đơn vị tính: triệu đồng)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình** | **Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020** | | | |
| **Tổng số** | **Vốn trong nước (1)** | | **Vốn ngoài nước**  **(TW phân bổ về)** |
| **Lần 1 QĐ**572/QĐ-BKHĐT | **Lần 2 QĐ1178/QĐ-BKHĐT** |
|  | **Tổng nguồn vốn các chương trình** | **1.954.279** |  |  |  |
| I | **Chương trình mục tiêu quốc gia** | **523.350** |  |  |  |
| 1 | Chương trình xây dựng nông thôn mới | **348.570** |  | **348.570** |  |
| 2 | Chương trình xóa đói, giảm nghèo bền vững | **174.780** |  | **174.780** |  |
| II | **Chương trình mục tiêu** | **1.430.929** |  |  |  |
| 1 | Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững | **58.682** | **58.682** |  | **-** |
| 2 | Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống xã hội dân cư | **172.025** | **92.025** | **180.000** | **-** |
| 3 | Chương trình mục tiêu đầu tư cơ sở hạ tầng, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khảu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | **875.000** | **875.000** |  | **-** |
| 4 | Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài | **325.222** | **67.777** |  | **257.445** |
|  | - Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên | 18.262 | 18.262 |  | - |
|  | - Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VNsat), tỉnh Đắk Nông (\*) | 206.960 | 49.515 |  | 157.445 |
|  | - Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông | 100.000 | - |  | 100.000 |

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Tổ chức công bố rộng rãi đề án được duyệt đến tất cả các Sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh và UBND các huyện, thị xã để làm căn cứ phối hợp thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản, làm cơ sở cho công tác chỉ đạo sản xuất của UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã. Chú trọng xây dựng vùng sản xuất hàng hoá trọng điểm, gắn quy hoạch vùng sản xuất với chế biến và quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng, hình thành các tiểu vùng kinh tế.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Lao động - TBXH để đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực cho lao động nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường bố trí đất đai cho các mục đích phát triển nông nghiệp.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch sản xuất hàng năm, 5 năm và các chương trình dự án ưu tiên được duyệt.

- Hàng năm tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch và đánh giá kết quả triển khai các chương trình dự án ưu tiên để có hướng điều chỉnh, bổ sung cho các năm tiếp theo.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch hàng năm, kế hoạch 5 năm, tổng hợp kế hoạch báo cáo với UBND tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Tham mưu cho UBND tỉnh về hướng đầu tư các dự án và bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng cho các dự án để đẩy nhanh tốc độ phát triển nông nghiệp.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư và các ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chủ trương đầu tư và bố trí vốn đầu tư các dự án đầu tư công để đẩy nhanh tốc độ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản.

4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện về việc đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực cho lao động nông nghiệp, nông thôn.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách để ứng dụng KHCN vào sản xuất nông nghiệp, trước hết là giống, quy trình canh tác, tưới, bón phân, bảo quản sau thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản. Tranh thủ các nguồn vốn KHCN của TW và tỉnh, cân đối và ưu tiên cho các dự án, đề tài phục vụ mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX và các cơ sở sản xuất xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho nông sản, thực phẩm; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các nông sản, thực phẩm chủ lực của tỉnh để nâng cao giá trị và tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các huyện, thị xã tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng quy định về dồn điền, đổi thửa ruộng đất nông nghiệp, thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Tập trung chỉ đạo việc chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn thửa đổi ruộng. Rà soát bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lập phương án chuyển đổi linh hoạt quỹ đất trồng lúa; tham mưu xây dựng các chính sách về đất đai để hỗ trợ hình thành các vùng sản xuất hàng hóa.

- Tăng cường quản lý môi trường ở các làng nghề, các vùng sản xuất nông sản hàng hóa để đảm bảo phát triển bền vững.

- Phối hợp lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất các cấp trên địa bàn tỉnh phục vụ nhu cầu về đất đai của ngành nông nghiệp theo đề án tái cơ cấu.

7. Sở Công thương

- Chủ trì, xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch và các giải pháp hỗ trợ tiêu thụ nông sản của tỉnh. Đề xuất các chính sách để khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với tiêu thụ ổn định.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan, UBND các huyện, thị triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại; khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Khoa học và Công nghệ tích cực vận động, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các nông sản, thực phẩm đặc trưng; xây dựng và phát triển hệ thống chợ, siêu thị tiêu thụ nông sản, thực phẩm.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã tuyên truyền, quán triệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp của Chính phủ, của tỉnh; các chủ trương chính sách hiện hành của Đảng, Nhà nước; Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với nâng cao giá trị gia tăng.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì việc đào tạo và phân luồng học sinh, đổi mới chương trình và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong các Trường trung học cơ sở, Trung học phổ thông để học sinh có thái độ đúng đắn về học nghề và chủ động lựa chọn các loại hình học nghề sau phổ thông.

- Phối hợp với Sở nội vụ lựa chọn cho các cơ sở đào tạo trong ngành giáo dục tham gia bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

10. Sở Nội vụ

- Tham mưu giúp UBND tỉnh sắp xếp, bố trí cơ cấu tổ chức, biên chế công chức, viên chức đối với ngành NN&PTNT (cấp tỉnh, huyện, xã).

- Phối hợp với Sở NN&PTNT tổ chức thực hiện đánh giá tổng kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ngành nông nghiệp theo các mục tiêu đề ra.

- Chủ trì đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về đào tạo cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; xây dựng và ban hành chương trình đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức xã về quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp.

11. UBND các huyện, thị xã

- Lồng ghép nội dung quy hoạch vào các chương trình dự án tại địa phương, nhất là lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Ban hành kịp thời các chủ trương, cơ chế chính sách của huyện (nếu có) hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản phù hợp với diễn biến tình hình thực tế, nhất là diễn biến về giá cả, thị trường tiêu thụ các nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt mục tiêu nội dung của Đề án; các chủ trương chính sách của tỉnh, của huyện về thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Củng cố HTX hiện có, thành lập HTX, tổ hợp theo luật HTX năm 2012;

- Chuyển đổi đất sản xuất lúa kém hiệu quả sang rau màu hoặc mô hình canh tác khác có hiệu quả cao hơn gắn với thị trường đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Xây dựng các liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản giữa nông dân với doanh nghiệp thông qua HTX, tổ hợp tác gắn với cánh đồng mẫu, trang trại chăn nuôi, trang trại nuôi trồng thủy sản hoặc vùng chuyển đổi.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn tiếp tục rà soát bổ sung các quy hoạch cấp xã, lồng ghép giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu vào các quy hoạch; tăng cường quản lý và thực hiện đúng các quy hoạch đã được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở NN&PTNT và các sở, ngành có liên quan tổ chức tốt các mô hình thí điểm ở cấp xã. Trên cơ sở đó tổng kết, đánh giá và nhân rộng ra phạm vi toàn huyện.

- Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn vào địa bàn.

- Thường xuyên kiểm tra đánh giá, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Đề án về UBND tỉnh qua Sở NN&PTNT.

12. Các Sở ban ngành có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở NN&PTNT, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Đề án.

13. Đề nghị UBMTTQVN tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động các đoàn viên, hội viên tham gia tích cực và triển khai có hiệu quả các nội dung, giải pháp tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

14. Các doanh nghiệp sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ

- Tăng cường đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong vùng quy hoạch.

- Hỗ trợ nông dân trong việc đầu tư xây dựng các vùng nguyên liệu thông qua ký kết hợp đồng đầu tư và thu mua sản phẩm.

- Thành lập các điểm thu mua tại các vùng sản xuất tập trung để thu mua hết và kịp thời các nông sản hàng hóa cho nông dân thông qua ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản với giá cả hợp lý.

15. Hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng

- Phối hợp với Sở NN&PTNT nghiên cứu xây dựng, đề xuất các chương trình tín dụng cụ thể để thực hiện có hiệu quả Đề án.

- Triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn; hướng dẫn hồ sơ, thủ tục vay vốn để tổ chức cá nhân có điều kiện về vốn đầu tư phát triển sản xuất.

16. Các tổ chức nghiên cứu và triển khai khoa học công nghệ

- Hỗ trợ các địa phương trong việc tập huấn, đào tạo nghề cho nông dân cũng như áp dụng tiến bộ, khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Tư vấn cho Nhà nước, doanh nghiệp, chủ trang trại những tiến bộ khoa học kỹ thuật có thể áp dụng vào sản xuất.

17. Các HTX, doanh nghiệp, trang trại và hộ nông dân

- Tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo định hướng quy hoạch chung của tỉnh, nhất là các doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân nằm trong vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng dự án đầu tư. Chủ động phối kết hợp với các “nhà” có liên quan ( Nhà nước - Nhà đầu tư - Nhà khoa học - Nhà nông - Nhà bank) để nâng cao hiệu quả sản xuất, gia tăng sản phẩm hàng hóa.

- Tham gia tích cực vào các hiệp hội, ngành hàng.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Bốn** |